



**PHỤ LỤC**  
**ATTACHMENT**

*(Kèm theo quyết định số 525/QĐ-VACI ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam)*

Phòng thí nghiệm: **Phòng thử nghiệm Hà Nội**  
*Laboratory: Hanoi Laboratory*

Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần Sản xuất & XNK Phòng cháy chữa cháy Thành Đạt**  
*Holding organization: Thanh Dat Produce & XNK Fire Protection Joint Stock Company*

Lĩnh vực: **Thử nghiệm Cơ, Điện - Điện tử**  
*Field: Mechanical, Electrical - Electronic Testing*

Người phụ trách/Representative: **Đặng Ngọc Quyền**  
Người có thẩm quyền ký/Approved signatory:

<b>TT/No</b>	<b>Họ và tên/Full name</b>	<b>Phạm vi được ký/Scope</b>
<b>1.</b>	<b>Lê Văn Tuệ</b>	Tất cả các phép thử được công nhận (Giám đốc) <i>All accredited tests (Director)</i>
<b>2.</b>	<b>Đặng Ngọc Quyền</b>	Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i>

Số hiệu/Code: **VALAS 208**

Hiệu lực công nhận/Period of Validity: **29/3/2031**

Địa chỉ trụ sở/Head office address:

**Số 34 đường Láng, phường Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam**

*No. 34 Lang street, Dong Da ward, Hanoi city, Vietnam*

Địa chỉ phòng thí nghiệm/Laboratory address:

**Điểm Công nghiệp Di Trạch, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội, Việt Nam**

*Di Trach industrial zone, Hoai Duc commune, Hanoi city, Vietnam*

Số điện thoại/Phone: 0906.693.686

Email: thanhdat@maycongnghiep.vn

**Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ**

*Field of testing: Mechanical Testing*

<b>TT/No</b>	<b>Tên sản phẩm/ vật liệu được thử/Name of product/material tested</b>	<b>Tên phép thử cụ thể/ Specific test name</b>	<b>Phạm vi đo/Giới hạn định lượng (nếu có) Measuring range/Quantification limit (if any)</b>	<b>Phương pháp thử/ Test method</b>
1	Máy bơm ly tâm chữa cháy loại cố định dùng động cơ đốt trong/ <i>Stationary fire- fighting centrifugal pump powered by an internal combustion engine</i>	Xác định tốc độ vòng quay <i>Determine the rotational speed</i>	(2,5÷6000) rpm	TĐ-HD.01 ref (QCVN 03:2023/BCA TCVN 9222:2012) Rev:02 Ngày ban hành 25/02/2026
2		Xác định áp suất đẩy <i>Determine the discharge pressure</i>	(0÷25) bar	TĐ-HD.01 ref (QCVN 03:2023/BCA TCVN 9222:2012) Rev:02 Ngày ban hành 25/02/2026
3		Xác định lưu lượng <i>Determine flow rate</i>	Đến 900 m <sup>3</sup> /h	TĐ-HD.01 ref (QCVN 03:2023/BCA TCVN 9222:2012) Rev:02 Ngày ban hành 25/02/2026
4		Xác định độ kín của buồng bơm <i>Determine the tightness of the pump chamber</i>	-	TĐ-HD.01 ref (QCVN 03:2023/BCA) Rev:02 Ngày ban hành 25/02/2026
5		Xác định khả năng làm việc của động cơ ở 110% mức lưu lượng lớn nhất <i>Determine the motor's operating capacity at 110% of its maximum flow rate.</i>	(2,5÷6000) rpm	TĐ-HD.01 ref (QCVN 03:2023/BCA TCVN 9222:2012) Rev:02 Ngày ban hành 25/02/2026

6	Máy bơm ly tâm chữa cháy loại khiêng tay dùng động cơ đốt trong <i>Portable          centrifugal fire          pumps powered by          internal          combustion          engines</i>	Xác định tốc độ vòng quay <i>Determine the          rotational speed</i>	(2,5÷6000) rpm	TĐ-HD.02 ref (TCVN 12110:2018 TCVN 9222:2012 QCVN 03:2023/BCA) Rev:02 Ngày ban hành 25/02/2026
7		Xác định áp suất đẩy <i>Determine the          discharge pressure</i>	(0÷13,7) bar	TĐ-HD.02 ref (TCVN 12110:2018 TCVN 9222:2012 QCVN 03:2023/BCA) Rev:02 Ngày ban hành 25/02/2026
8		Xác định lưu lượng <i>Determine flow rate</i>	Đến 250 m <sup>3</sup> /h	TĐ-HD.02 ref (TCVN 12110:2018 TCVN 9222:2012 QCVN 03:2023/BCA) Rev:02 Ngày ban hành 25/02/2026
9		Xác định chiều sâu hút tối đa <i>Determine the          maximum suction          depth</i>	(0÷9) m	TĐ-HD.02 ref (TCVN 12110:2018) Rev:02 Ngày ban hành 25/02/2026
10		Xác định khối lượng khô <i>Determine dry          weight</i>	(0÷150) kg	TĐ-HD.02 ref (TCVN 12110:2018) Rev:02 Ngày ban hành 25/02/2026
11		Đánh giá ngoại quan <i>Visual assessment</i>	-	TĐ-HD.02 ref (TCVN 12110:2018) Rev:02 Ngày ban hành 25/02/2026
12		Xác định độ ồn <i>Determine the noise          level</i>	(40÷130) dB	TĐ-HD.02 ref (TCVN 12110:2018) Rev:02 Ngày ban hành 25/02/2026
13		Xác định độ kín của buồng bơm <i>Determine the          tightness of the          pump chamber</i>	-	QCVN 03:2023/ BCA TCVN 12110:2018

**DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN**  
**LIST OF ACCREDITED TESTS**  
**VALAS 208**

12		Xác định mức tiêu hao nhiên liệu <i>Determine fuel consumption</i>	-	TĐ-HD.02 ref (TCVN 12110:2018) Rev:02 Ngày ban hành 25/02/2026
13		Xác định kích thước họng hút <i>Determine the size of the suction port</i>	(0÷400) mm	TĐ-HD.02 ref (QCVN 03:2023/BCA) Rev:02 Ngày ban hành 25/02/2026
14		Xác định kích thước họng xả <i>Determine the size of the exhaust port</i>	(0÷400) mm	TĐ-HD.02 ref (QCVN 03:2023/BCA) Rev: 02 Ngày ban hành 25/02/2026
15		Xác định tốc độ vòng quay <i>Determine the rotational speed</i>	(2,5÷3000) rpm	TĐ-HD.03 ref (TCVN 9222:2012 QCVN 03:2023/BCA) Rev: 02 Ngày ban hành 25/02/2026
16	Máy bơm ly tâm chữa cháy loại cố định dùng động cơ điện/ <i>Electric motor-driven stationary centrifugal fire pumps</i>	Xác định áp suất đẩy <i>Determine the discharge pressure</i>	(0÷25) bar	TĐ-HD.03 ref (TCVN 9222:2012 QCVN 03:2023/BCA) Rev: 02 Ngày ban hành 25/02/2026
17		Xác định lưu lượng <i>Determine flow rate</i>	Đến 900 m <sup>3</sup> /h	TĐ-HD.03 ref (TCVN 9222:2012 QCVN 03:2023/BCA) Rev: 02 Ngày ban hành 25/02/2026
18		Xác định độ kín của buồng bơm <i>Determine the tightness of the pump chamber</i>	-	TĐ-HD.03 ref (QCVN 03:2023/BCA) Rev: 02 Ngày ban hành 25/02/2026

**Lĩnh vực thử nghiệm: Điện - Điện tử**

*Field of testing: Electrical - Electronic Testing*

<b>TT/No</b>	<b>Tên sản phẩm/vật liệu được thử/Name of product/material tested</b>	<b>Tên phép thử cụ thể/Specific test name</b>	<b>Phạm vi đo/Giới hạn định lượng (nếu có) Measuring range/Quantification limit (if any)</b>	<b>Phương pháp thử/Test method</b>
1	Máy bơm ly tâm chữa cháy loại cố định dùng động cơ điện/ <i>Electric motor-driven stationary centrifugal fire pumps</i>	Xác định dòng điện làm việc của động cơ ở 110% mức lưu lượng lớn nhất (đối với máy bơm thiết kế làm việc tại 01 điểm) <i>Determine the motor's operating current at 110% of the maximum flow rate (for a pump designed to operate at a single point)</i>	0,1 V/ (1 ÷ 600) V 0,01 A/ (1 ÷ 1000) A	TĐ-HD.03 (Ref TCVN 9222:2012) Rev:02 Ngày ban hành 25/02/2026
2	Ắc quy sử dụng cho Bơm ly tâm chữa cháy loại khiêng tay dùng động cơ đốt trong/ <i>Batteries used for portable centrifugal fire pumps powered by internal combustion engines.</i>	Đo điện áp nguồn không tải <i>Measure the no-load power supply voltage</i>	0,01Vdc/ (7 ÷ 30) Vdc	TĐ-HD.02 (Ref TCVN 12110: 2018 ) Rev:02 Ngày ban hành 25/02/2026

**Ghi chú/Note:**

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/Vietnam standard.

Trường hợp Phòng thử nghiệm Hà Nội - Công ty Cổ phần Sản xuất & XNK Phòng cháy chữa cháy Thành Đạt cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm hàng hóa thì phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/  
*In case of providing product quality testing services, Hanoi Laboratory - Thanh Dat Produce & XNK Fire Protection Joint Stock Company must register and be granted a certificate of operation registration in accordance with the law before providing this service.*